

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

**Địa chỉ:** Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**SĐT:** (0292) 3821 150

**Số fax:** (0292) 3811 583

**Website:** [congtrinhdothicantho.vn](http://congtrinhdothicantho.vn)

**Email:** [cpdothicantho@gmail.com](mailto:cpdothicantho@gmail.com)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

# MỤC LỤC

**01**

**THÔNG TIN  
CHUNG**

**13**

**TỔ CHỨC VÀ  
NHÂN SỰ**

**31**

**TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**

**41**

**BÁO CÁO CỦA  
BAN GIÁM ĐỐC**

**49**

**BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**

**55**

**BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**

**61**

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH**







# THÔNG TIN CHUNG



An aerial view of a city, likely Hanoi, Vietnam, featuring a prominent river (the Red River) and a tall, slender tower (the Hanoi Tower) in the background. The city buildings are visible in the mid-ground.

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**Cơ cấu tổ chức**





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ (UCT)
- **Tên giao dịch:** CAN THO URBAN JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** CPĐT
- **Giấy CNĐKDN số:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800271113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 26/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/07/2015
- **Vốn điều lệ:** 54.249.000.000 đồng (Năm mươi bốn tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu đồng)
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 53.443.451.436 đồng (Năm mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi sáu đồng)
- **Địa chỉ:** Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- **Số điện thoại:** (0292) 3821 150
- **Số fax:** (0292) 3811 583
- **Website:** [congtrinhdothicantho.vn](http://congtrinhdothicantho.vn)
- **Email:** [cpdothicantho@gmail.com](mailto:cpdothicantho@gmail.com)
- **Mã cổ phiếu:** UCT

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Hoạt động thu gom xử lý rác thải:

Hiện nay, thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân và các đơn vị tổ chức, kinh doanh, dịch vụ của thành phố Cần Thơ đều do Công ty thực hiện. Cùng với sự phát triển của các khu đô thị, sự phát triển các khu dân cư nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển ngày càng nhiều. Vì vậy Công ty chú trọng đến việc nâng cấp trang thiết bị, các phương tiện vận tải máy móc, thay thế các phương tiện, máy móc, thiết bị cũ và đầu tư mới vừa giúp nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt do các đơn vị khác thực hiện.

### Quản lý, chăm sóc cây xanh



Công ty thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc, cắt tỉa, quản lý và bảo vệ cây xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ áp dụng đúng chủng loại, đúng quy trình kỹ thuật. Chăm sóc công viên, vườn hoa, thảm cỏ tại dải phân cách, dải tường niêm, quảng trường. Chăm sóc cây bóng mát, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, giải phân cách, đảo giao thông nhằm góp phần tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị, phù hợp với quy hoạch kiến trúc của thành phố.



### **Hoạt động chiếu sáng công cộng**

Ngoài hoạt động thu gom xử lý rác thải, Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Việc bảo dưỡng - duy tu chiếu sáng đô thị bảo đảm các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị, an toàn giao thông và an ninh trật tự trong thành phố. Các loại hình chiếu sáng hiện nay Công ty đang đảm trách là chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông. Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp đạt hiệu quả. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể.



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ là một trong những công ty có bề dày kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Cần Thơ. Với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp được thành lập theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ.

Sau hơn 22 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào ngày 08/01/2013. Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty đã đạt những thành công nhất định trong lĩnh vực hoạt động của mình. Bằng chứng là có lợi thế hơn hẳn khi xét về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô với các Công ty cùng lĩnh vực hoạt động. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của UCT như sau:

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được thành lập với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ), trên cơ sở sáp nhập Công ty vệ sinh và mai táng, Công ty chiếu sáng công cộng, Bộ phận duy tu bảo dưỡng cầu đường và Đội công viên cây xanh.

UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ theo quyết định số 300/QĐ.UBT. 94 ngày 05/02/1994. Vốn kinh doanh là: 682.000.000 đồng.

UBND thành phố Cần Thơ thành lập doanh nghiệp Công ty Công trình Đô thị Thành phố Cần Thơ theo quyết định số 842/QĐ.Ct.TCCB.97 ngày 10 tháng 04 năm 1997. Vốn điều lệ thành lập ban đầu là 5.496.941.900 đồng.

Ngày 11/9/2001, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2581/QĐ-CT-UB về việc giao Công ty trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cần Thơ, đồng thời hình thành Đội Công trình đô thị tại các huyện trực thuộc Công ty

Công ty được UBND thành phố Cần Thơ thay đổi vốn điều lệ theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB, vốn điều lệ được phê duyệt là 12.662.684.969 đồng. Ngoài ra, Công ty được chuyển giao từ Sở Xây dựng TP. Cần Thơ về Sở Giao thông – Công chính thành phố Cần Thơ và thành lập 5 xí nghiệp phụ thuộc gồm: Xí nghiệp môi trường đô thị, Xí nghiệp Công viên cây xanh, Xí nghiệp CSCC, Xí nghiệp Vận tải hành khách công cộng, Xí nghiệp sửa chữa ô tô và sản xuất xe chuyên dùng

Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 20.170.522.565 đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 5706000011 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2007, đăng ký thay đổi lần 8 và cấp lại lần 4 ngày 10/12/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần thơ cấp

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được tái chuyển giao về Sở Xây Dựng thành phố Cần Thơ quản lý

Ngày 02/7/2010, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, Điều lệ và chuyển Công ty Công trình đô thị thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ được phê quyết là:  
60.264.015.048 đđn.

Ngày 10/02/2011, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 318/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế Điều lệ cũ) Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ.

Ngày 08/01/2013, UBND thành phố Cần Thơ ra Công văn số 70/UBND-KT về việc phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc TP.Cần Thơ quản lý giai đoạn 2011 – 2015:

Ngày 09/6/2014, UBND thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 1581/QĐ-UBND về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ; Ngày 26/9/2014, ra Quyết định số 2723/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Ngày 03/07/2015, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp: 1800271113, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 03/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp

Ngày 06/06/2016, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 3084/UBCK-GSĐC.

Ngày 15/09/2016, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 5.344.345 cổ phiếu.





## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, UCT đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các vùng lân cận.

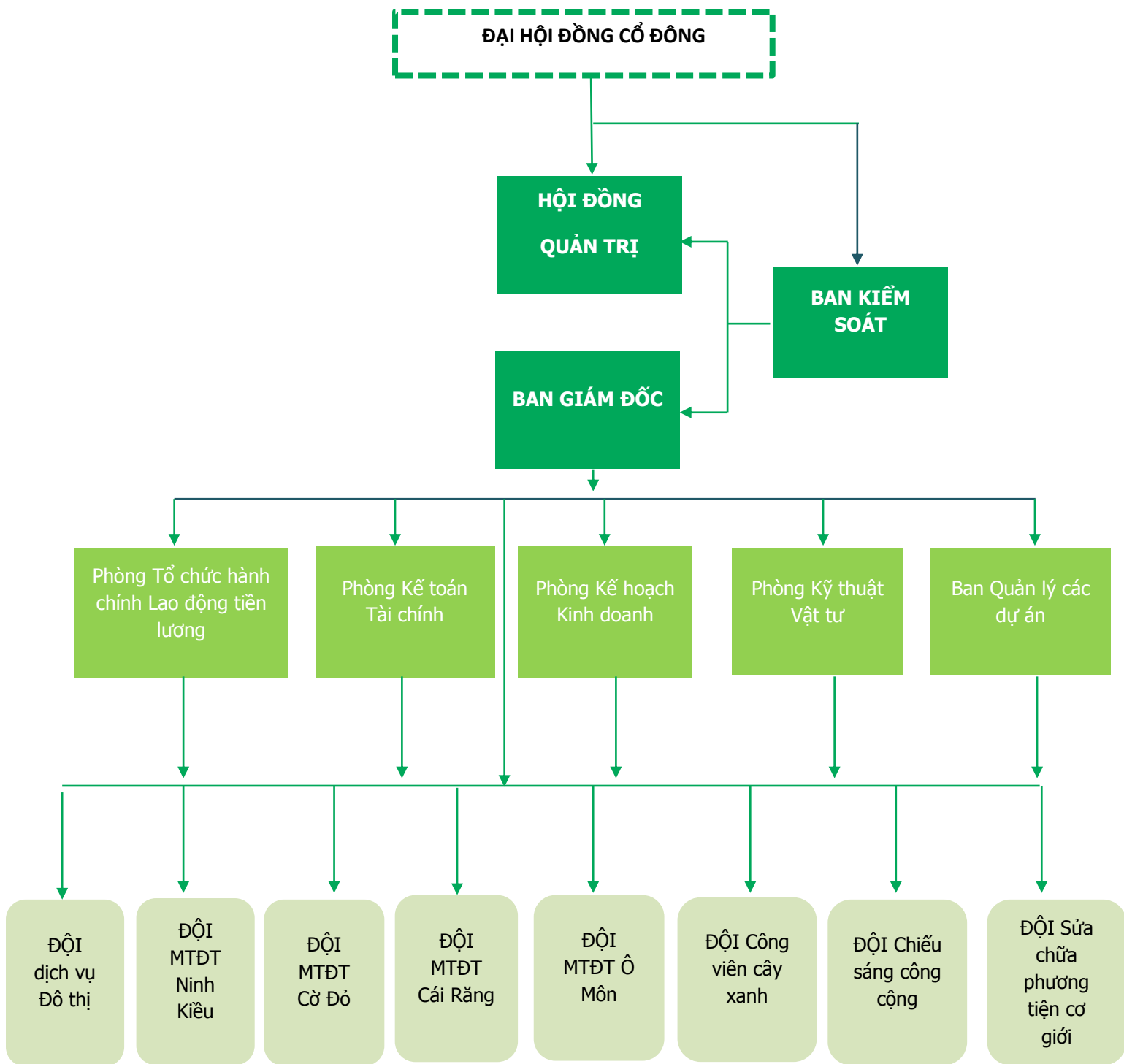
## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

UCT được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại Hội đồng cổ đông;
- ✓ Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- ✓ Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- ✓ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- ✓ Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổ chức hành chính – Lao động tiền lương, Phòng Kế toán – Tài chính, Phòng Kế hoạch - kinh doanh, Phòng Kỹ thuật – Vật tư, Ban Quản lý các dự án, Đội Môi trường đô thị Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Đội Công viên cây xanh, Đội Chiếu sáng công cộng, Đội Sửa chữa phương tiện cơ giới.



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện nay, Công ty không có công ty con, công ty liên kết



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xã hội hóa nguồn vốn kinh doanh, bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại Công ty. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. "Phát triển ổn định và bền vững, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính năm sau cao hơn năm trước. Nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.

### Mục tiêu cụ thể

Xây dựng kế hoạch trung, dài hạn, mang tính định hướng theo mục tiêu tập trung lĩnh vực ngành nghề chính, trọng tâm là hoạt động công ích của Công ty: Vệ sinh đô thị; Chăm sóc duy tu, bảo dưỡng công viên – cây xanh; Chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, các loại hình dịch vụ khác; xây dựng thương hiệu Công ty.

### Tâm nhìn

Xây dựng Công ty thành một Công ty chủ lực của thành phố thi công các công trình trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, và chiếu sáng. Đa sở hữu, đa ngành nghề cùng chung tay bảo vệ môi trường.



### Sứ mạng

Trách nhiệm của Công ty là phải góp phần làm giảm sự ô nhiễm môi trường, làm đẹp vẻ mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường trở thành mục tiêu công việc trọng tâm của Công ty nhằm góp phần chung tay xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành một thành phố “Sáng – Xanh - Sạch - Đẹp”, góp phần vào việc giữ gìn, sức khỏe người dân và lợi ích cộng đồng, sự phát triển kinh tế của thành phố Cần Thơ.



### Cam kết của Công ty

Hơn 20 năm hoạt động lĩnh vực công ích là đơn vị Nhà nước trong nhiều năm qua, để đáp ứng sự tin tưởng của người dân đã tin dùng dịch vụ, Công ty cam kết phục vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Bên cạnh việc đề ra những chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc chung tay bảo vệ môi trường bằng các hoạt động thiết thực.



## RỦI RO KINH TẾ

Bất cứ Công ty nào hoạt động trong một nền kinh tế chung đều chịu tác động từ rủi ro kinh tế. Nền kinh tế sẽ tác động gián tiếp đến Công ty thông qua thu nhập khả dụng của người dân. Tổng kết năm 2017, tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam khá tốt. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,81% so với năm 2016, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu mới công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân đầu người có xu hướng gia tăng, đạt 2.385 USD/người, tăng 170 USD so với năm trước. Đây là dấu hiệu được kỳ vọng sẽ có những tác động tích cực đến UCT trong thời gian tới. Công ty luôn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế để đưa ra phương hướng hoạt động phù hợp với thực tiễn cũng như kế hoạch đã đề ra

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty cổ phần Công trình đô thị đô thị Cần Thơ hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, ... Với những nỗ lực của Chính Phủ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế, việc đưa ra những sửa đổi, cải cách trong thời gian tới là một điều tất yếu. Việc thay đổi về chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty luôn cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi rủi ro xảy ra.

## RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.



## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công cộng, chi phí nguồn nguyên vật liệu được xem là yếu tố tác động chính đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Nguồn chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty thường tăng nhanh, trong khi giá đầu ra của hầu hết các dịch vụ công ích bị kiểm soát bởi các cơ quan ban ngành và phụ thuộc vào khung quy định của các cơ quan ban ngành, mà nguồn thu đầu ra thường sẽ không theo kịp mức tăng của chi phí đầu vào, đặc biệt khi chi phí lương của người lao động tăng, việc đổi mới máy móc, thiết bị mới có giá thành cao, ... Điều này buộc công ty phải có những chính sách quản lý nguồn chi thích hợp, mà quan trọng nhất là quản lý nguồn cung ứng nguyên vật liệu một cách chặt chẽ.

Bên cạnh đó, hoạt động của công ty còn phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Biến động của thời tiết cũng gây ra những khó khăn nhất định trong quá trình triển khai các nghiệp vụ của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro từ nguồn cung ứng, Ban lãnh đạo luôn xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể chi tiết, xử lý tình huống và giải quyết kịp thời với các tác động xấu của thời tiết để có thể hoàn thành tốt được kế hoạch đã được giao phó.

## RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình và vệ sinh môi trường nên phụ thuộc rất nhiều vào môi trường và ý thức của người dân. Hiện tại, ý thức giữ gìn vệ sinh chung của người dân là khác nhau trong khi lượng rác thải khó xử lý hàng ngày lớn, bao gồm cả rác thải công nghiệp, rác thải không tái chế, rác thải độc hại, ... Bên cạnh đó, bãi rác khu vực chưa đáp ứng đủ và luôn trong tình trạng quá tải kéo theo việc tăng thêm chi phí xử lý và khối lượng công việc cho đội ngũ công nhân viên Công ty. Ngoài các yếu tố môi trường tác động tới công ty, UCT còn phải đối mặt với rủi ro xảy ra với môi trường trong quá trình hoạt động, từ việc khai thác, sản xuất và chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp.

Với tình hình trên có thể dẫn đến các khó khăn cho chính sách điều hành của Công ty. Nhưng hiện nay, việc bảo vệ môi trường đang rất được các cơ quan nhà nước và toàn xã hội quan tâm. Trong quá trình hội nhập và hiện đại hóa, ý thức của người dân đang dần thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn như quan tâm đến bảo vệ môi trường, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm có thể tái sử dụng và tham gia các phong trào giữ gìn vệ sinh chung, ngày hoạt động công ích, ... đã tác động khá tốt đến hoạt động của Công ty nói riêng và cảnh quan đô thị của Cần Thơ nói chung. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, vì lợi ích xã hội, UCT luôn ý thức được vai trò của mình trong việc tạo nên một môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp. Công ty luôn phấn đấu nhằm bảo vệ mỹ quan đô thị, xây dựng những công trình, trồng và chăm sóc cây xanh, tạo thêm những mảng xanh cho Thành phố. Thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải độc hại, cung cấp dịch vụ chiếu sáng công cộng cho Thành phố nhằm tạo nên không khí trong lành cho những người dân sinh sống nơi đây đồng thời tô thêm vẻ đẹp cho Thành phố.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

A hand holding a blue folder with a white overlay containing text and silhouettes of people.

**Ban điều hành công ty**

**Hội đồng quản trị**

**Ban kiểm soát**

**Những thay đổi trong Ban điều hành**

**Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động**



## BAN ĐIỀU HÀNH














Cơ cấu Ban Điều hành như sau:

Thành viên Ban Giám đốc	Chức Vụ
<b>Trần Thanh Phong</b>	Giám đốc
<b>Nguyễn Thạch Em</b>	Phó Giám đốc
<b>Lê Thanh Hiếu</b>	Kế toán trưởng

















## Sơ yếu lý lịch của Ban Điều hành

### Ông Trần Thanh Phong – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
















 Ngày tháng năm sinh	22/4/1967
 Nơi sinh	Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
 Quê quán	Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
 Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác	
 Từ năm 1992 đến 1998	Kế toán tổng hợp Công ty khai thác thủy sản xuất nhập khẩu Cần Thơ.
 Từ năm 1998 đến 2005	Kế toán trưởng Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ.
 Từ năm 2005 đến 10/2014	Phó Giám đốc Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ.
 Từ 11/2014 đến 6/2015	Giám đốc Công ty TNHH MTV công trình đô thị thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	7.200
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không



## Ông Nguyễn Thạch Em – Phó giám đốc

 Ngày tháng năm sinh	15/02/1973
 Nơi sinh	Hòa Mỹ, Phụng Hiệp, Hậu Giang
 Quê quán	Thới Thạnh, Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
 Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Tài chính – Ngân hàng
 Quá trình công tác	
 Từ năm 2000 đến 2002	Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2002 đến 2008	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 2008 đến 2010	Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ
 Từ năm 2010 đến 2012	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
 Từ 2013 đến 6/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	3.900
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không

## Ông Lê Thanh Hiếu – Kế toán trưởng kiêm thành viên HĐQT

 Ngày tháng năm sinh	05/9/1971
 Nơi sinh	Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
 Dân tộc	Việt Nam
 Quê quán	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
 Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
 Quá trình công tác	
 Từ 02/1992 đến 10/2003	Nhân viên Xưởng cơ khí, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721.
 Từ 11/2003 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721.
 Từ 4/2007 đến 10/2010	Nhân viên Phòng kế toán, Công ty công trình đô thị TP Cần Thơ.
 Từ 11/2010 đến 12/2012	Phó Trưởng phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 01/2013 đến 6/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	14.700
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
<b>Ông Lưu Việt Chiến</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>Ông Trần Thanh Phong</b>	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
<b>Ông Lê Thanh Hiếu</b>	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế Toán trưởng
<b>Ông Võ Văn Được</b>	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>Bà Nguyễn Phúc Như</b>	Thành viên Hội đồng quản trị

✓ **Ông Trần Thanh Phong – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**















(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty)

✓ **Ông Lê Thanh Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Kế Toán trưởng**















(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Ban Điều hành công ty)



**Ông Lưu Việt Chiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

 Ngày tháng năm sinh	26/12/1970
 Nơi sinh	Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
 Quê quán	Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
 Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế Tài chính – Kế toán.
 Quá trình công tác	
 Từ 12/1988 đến 1989	Kế toán kho, Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Chế biến lương thực, thực phẩm huyện Long Phú, Hậu Giang
 Từ năm 1989 đến 1992	Kế toán Ngân sách, tài vụ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang.
 Từ năm 1992 đến 2006	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty Dược Sóc Trăng.
 Từ năm 2007 đến 5/2009	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Sóc Trăng.
 Từ 6/2009 đến 10/2010	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ.
 Từ 10/2010 đến 10/2014	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ.
 Từ 11/2014 đến 6/2015	Chủ tịch Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ tháng 7/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	1.300
 Số cổ phần đại diện sở hữu cho phần vốn nhà nước:	
 Theo vốn điều lệ	5.011.200 (Tương ứng chiếm tỷ lệ 92,37% Vốn điều lệ)
 Theo vốn thực góp	4.930.645 (Tương ứng chiếm tỷ lệ 92,26% Vốn thực góp)

## Ông Võ Văn Được –Thành viên Hội đồng quản trị

 Ngày tháng năm sinh	30/01/1967
 Nơi sinh	Tân An, Phong Dinh
 Quê quán	Xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
 Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác	
 Từ năm 1987 đến 1988	Cán bộ kỹ thuật Ban Nông – Lâm – Ngư nghiệp thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 1988 đến 1990	Cán bộ kỹ thuật, Trạm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ.
 Từ năm 1990 đến 1992	Cán bộ kỹ thuật, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ.
 Từ năm 1992 đến 1999	Cán bộ kỹ thuật Đội Công viên cây xanh công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 1999 đến 2009	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 9/2009 đến 2010	Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 12/2010 đến 6/2015	Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính- Lao động tiền lương Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	3.300
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không



## Bà Nguyễn Phúc Như – Thành viên HĐQT

 Ngày tháng năm sinh	30/10/1980
 Nơi sinh	Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang
 Quê quán	Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang.
 Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ chuyên ngành Môi Trường.
 Quá trình công tác	
 Từ 2003 đến 2007	Nhân viên Kế hoạch Đội CTĐT quận Cái Răng trực thuộc Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2007 đến 2008	Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2008 đến 2009	Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2009 đến 2010	Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2010 đến 2013	Phó phòng Kỹ thuật vật tư Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 2013 đến 6/2015	Phó phòng Kinh doanh – Kỹ thuật vật tư tổng hợp Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	1.100
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không

## BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát của công ty như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức Vụ
<b>Ông Đặng Minh Khiết</b>	Trưởng Ban
<b>Ông Nguyễn Quốc Cường</b>	Thành viên
<b>Bà Nguyễn Thị Thúy Vy</b>	Thành viên

### Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

Trong năm Công ty không có sự thay đổi nhân sự



## Sơ yếu lý lịch của Ban Kiểm soát

### Ông Đặng Minh Khiết – Trưởng Ban kiểm soát









 Ngày tháng năm sinh	05/12/1966
 Nơi sinh	Thành phố Cần Thơ
 Quê quán	Trường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
 Quá trình công tác	
 Từ năm 1986 đến 1990	Kế toán Xí nghiệp Da thành phố Cần Thơ.
 Từ 12/1990 đến 12/2000	Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
 Từ 01/2001 đến 4/2007	Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 5/2007 đến 12/2007	Q. Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 01/2008 đến 2010	Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 8/2010 đến 6/2015	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	15.200
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không



## Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên Ban kiểm soát

 Ngày tháng năm sinh	11/9/1980
 Nơi sinh	Trà Ôn, Vĩnh Long
 Quê quán	Tân An Luông, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
 Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí
 Quá trình công tác	
 Từ năm 2004 đến 2006	Thợ sửa chữa, Xí nghiệp Sửa Chữa thuộc Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2006 đến 2010	Phụ trách Kế hoạch Xí nghiệp Sửa chữa Ô Tô thuộc Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2010 đến 2012	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2012 đến 2013	Đội trưởng Đội Vận chuyển thuộc Xí nghiệp MTĐT Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2013 đến 6/2015	Đội trưởng Đội SCPTCD Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	1.000
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không

## Bà Nguyễn Thị Thúy Vy – Thành viên Ban kiểm soát

 Ngày tháng năm sinh	01/01/1978
 Nơi sinh	Huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.
 Quê quán	Xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.
 Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Khoa học Môi trường.
 Quá trình công tác	
 Từ 9/2000 đến 2007	Nhân viên Đội Kiểm tra, Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
 Từ năm 2007 đến 2008	Cán bộ Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2008 đến 2010	Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2010 đến 2012	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2012 đến 2013	Phụ trách Kế hoạch Xí nghiệp MTĐT, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ.
 Từ năm 2013 đến 2014	Phụ trách Kế hoạch Đội MTĐT quận NK1, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ năm 2014 đến 6/2015	CBKT Phòng Kinh doanh- Kỹ thuật Vật tư Tổng hợp, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ.
 Từ 7/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
 Số cổ phần sở hữu	1.300
 Số cổ phần đại diện sở hữu	Không

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Tình hình nhân sự

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Phân loại theo trình độ</b>	<b>351</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học và trên đại học	38	10,83%
2	Trình độ cao đẳng	01	0,28%
3	Trình độ trung cấp	09	2,56%
4	Trình độ khác	303	86,32%
<b>II</b>	<b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b>	<b>702</b>	<b>100%</b>
1	Lao động quản lý do Nhà nước bổ nhiệm	01	0,28%
2	Lao động ký hợp đồng lao động	350	99,72%
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	203	57,83%
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	148	42,17%
2.3	Hợp đồng lao động thời vụ	0	0,00%

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (TR ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)			
STT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/người /tháng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	2014	3,150	-
2	2015	3,993	19,35%
3	2016	4,025	9,54%
4	2017	5,2	29,19%



## Chính sách đối với người lao động

### CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động, chủ động có những kế hoạch, chính sách tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để tuyển được nhân sự đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty, đảm bảo yêu cầu về trình độ, năng lực, kiến thức chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động, muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Cán bộ công nhân viên sẽ được công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn nhằm phục vụ cho hoạt động của công ty. Các chương trình huấn luyện và đào tạo cán bộ công nhân viên thường xuyên được công ty tổ chức có mục tiêu phù hợp với kế hoạch phát triển từng thời kỳ và kế hoạch trung dài hạn của Công ty. Có kế hoạch đào tạo nhân viên theo từng cấp độ phù hợp với lộ trình phát triển; xây dựng tiêu chuẩn bậc thợ cho từng lĩnh vực hoạt động.

Việc đánh giá chất lượng lao động CB – CNV diễn ra thường xuyên, đối với cấp quản lý điều hành kết quả kinh doanh của đơn vị là thước đo đánh giá năng lực, đối với nhân viên thừa hành xây dựng tiêu chí đánh giá hàng tháng để làm tiêu chuẩn trả lương, thưởng, đề xuất nâng lương hoặc xử phạt, kỷ luật,...



## CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỜNG

Hàng năm, căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành rà soát đánh giá lại định mức lao động và điều chỉnh thang lương, bảng lương cho phù hợp:

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
- Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người;
- Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, bộ phận theo nhiệm vụ được giao;
- Trả đầy đủ, đúng thời hạn, phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;
- Thời hạn chi trả việc tạm ứng tiền lương hàng tháng, mức tạm ứng: Công ty chi trả tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người lao động từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng liền kề, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của từng người lao động.
- Năm 2017 Công ty áp dụng mức lương tối thiểu là 3.320.000 đồng

Ngoài ra, Công ty có chế độ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty, đảm bảo công bằng, công khai chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để người lao động sáng tạo trong công việc, khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người; đa dạng hóa hình thức đãi ngộ, đảm bảo mức thu nhập

## CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho Cán bộ công nhân viên(CBCNV), tạo điều kiện cho công nhân viên đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên quan tâm đến gia đình của người lao động, như tặng quà những người cao tuổi, khen thưởng con em của CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, tạo sự kết nối giữa công ty và CBCNV của công ty







# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM





**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình hoạt động đầu tư**

**Tình hình hoạt động tài chính**

**Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu**



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH2017/TH2016	TH/KH 2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	72.532	68.000	73.067	100,74%	107,45%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	54.249	54.249	54.249	100,00%	100,00%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	6.820	3.100	6.641	97,38%	214,23%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.671	3.000	6.646	99,63%	221,53%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.221	2.400	5.234	100,25%	218,08%
LNST/Doanh thu thuần	%	7,20%	2,95%	7,16%	99,44%	242,71%
LNST/Vốn điều lệ	%	9,62%	4,42%	9,65%	100,31%	218,33%

## CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vệ sinh đô thị	51.053.828.937	68,68%	51.532.340.480	68,34%
Công viên cây xanh	14.311.478.128	19,25%	14.141.193.981	18,75%
Chiếu sáng công cộng	4.784.959.445	6,44%	4.979.854.113	6,60%
Công trình, Dịch vụ khác	2.198.303.009	2,96%	2.413.341.998	3,20%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.409.027.968	1,90%	1.742.055.308	2,31%
Thu nhập khác	583.268.710	0,78%	596.563.893	0,79%
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>74.340.866.197</b>	<b>100,00%</b>	<b>75.405.349.773</b>	<b>100,00%</b>





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	Triệu đồng	72.686	76.733	5,57%
<b>Doanh thu thuần</b>	Triệu đồng	72.532	73.067	0,74%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	Triệu đồng	6.820	6.641	-2,62%
<b>Lợi nhuận khác</b>	Triệu đồng	(149)	4	-102,68%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	6.671	6.646	-0,37%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Triệu đồng	5.221	5.234	0,25%
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	Đồng/ cổ phiếu	490	979	99,80%

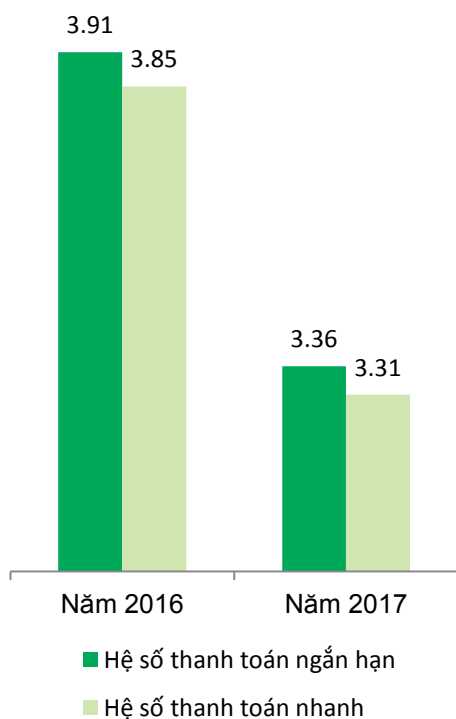


## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,91	3,36
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,85	3,31
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	18,50	22,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	22,70	29,17
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	121,82	66,44
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,91	1,00
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,95	7,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,65	9,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,68	7,20
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,11	9,09

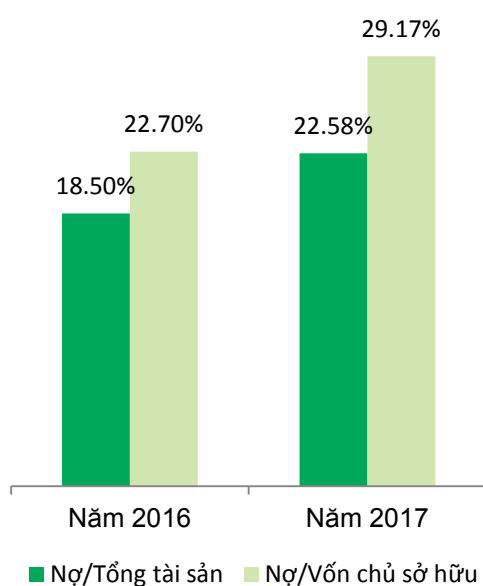


## KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều có sự giảm sút so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 3,36 lần (giảm từ 3,91 vòng xuống còn 3,36 vòng) và hệ số thanh toán nhanh đạt 3,31 lần (giảm từ 3,85 lần xuống 3,31 lần). Nhìn chung, cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều có sự gia tăng. Do trong năm công ty tăng đầu tư tài chính và khoản phải thu khách hàng; đồng thời hàng tồn kho trong năm cũng đã có sự gia tăng, chủ yếu là hàng tồn kho về nguyên vật liệu làm tài sản ngắn hạn tăng lên. Các khoản phải trả cho người bán của công ty tăng lên, đồng thời công ty cũng tăng cường trả cổ tức nên khiến nợ ngắn hạn tăng lên với tỷ lệ cao hơn tài sản ngắn hạn đây cũng chính là nguyên nhân làm hệ số thanh toán ngắn hạn giảm đáng kể. Mặt khác, tuy nhiên do giá trị nhỏ nên khoản mục này không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thanh toán nhanh.

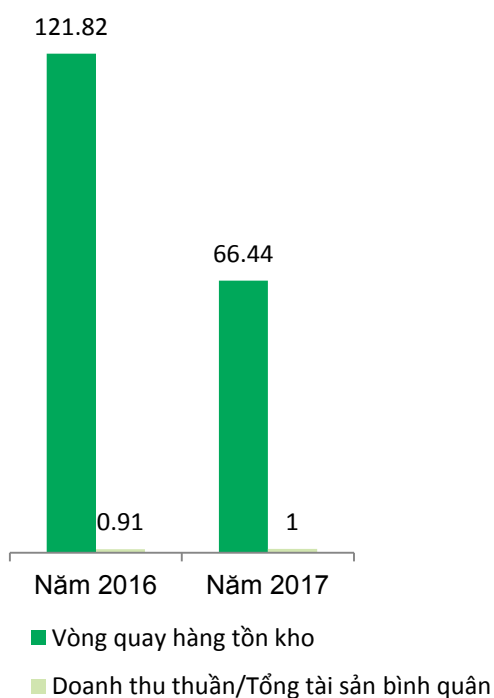
## CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN



Nợ phải trả trong năm đã sụt giảm, từ gần 14 tỷ đồng lên đến hơn 17 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng lên đáng kể với tỷ lệ 29,13%. Tổng tài sản cũng có diễn biến tương tự nhưng tăng ở mức tăng nhẹ hơn 5,57%, do tài sản ngắn hạn trong năm đã có sự gia tăng, cụ thể là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ở mức tăng nhiều nhất. Vốn chủ sở hữu trong năm không có sự thay đổi nhiều. Tổng hợp các biến động này làm các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của UCT gia tăng đáng kể.

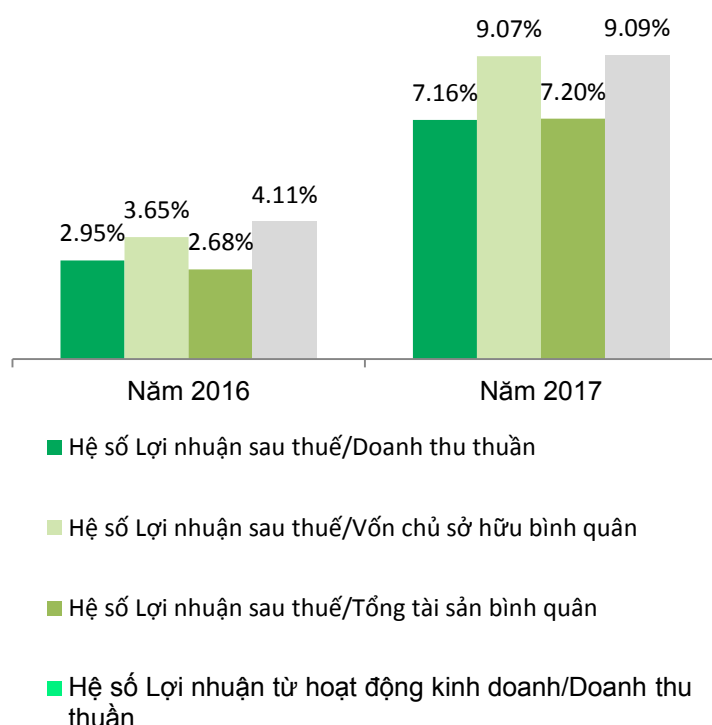


## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Mặc dù giá vốn hàng bán đã giảm 0.07% so với kỳ trước, nhưng do sự gia tăng đáng kể của hàng tồn kho tăng 11.58% nên vòng quay hàng tồn kho của Công ty có sự sụt giảm từ 121,82 vòng xuống còn 66,44 vòng. Vòng quay tổng tài sản không có sự biến động nhiều, chứng tỏ việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động kinh doanh vẫn duy trì được hiệu quả.







## KHẢ NĂNG SINH LỜI



Lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã có sự gia tăng đáng kể khi đạt mức tăng lần lượt là 157,34% và 134,19%. Nguyên nhân chủ yếu là năm vừa qua bên cạnh doanh thu tăng trưởng công ty còn có sự gia tăng khoản doanh thu tài chính và chi phí được công ty kiểm soát khá tốt. Bên cạnh đó vốn chủ sở hữu và doanh thu thuần tuy có sự gia tăng nhưng nhỏ hơn nhiều so với các khoản lợi nhuận trên. Điều đó đã làm hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của UCT tăng mạnh. Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm của lợi nhuận do trong năm qua chi phí về quản lý doanh nghiệp mà trong đó chủ yếu là chi phí nhân viên quản lý và một số chi phí khác đã tăng lên đáng kể điều này thực sự đã gây ra nhiều áp lực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

 <b>Tổng số cổ phần</b>	: 5.344.345 cổ phiếu
 <b>Mệnh giá cổ phiếu</b>	: 10.000 đồng
 <b>Loại cổ phần đang lưu hành</b>	: Cổ phần phổ thông
 <b>Số cổ phần tự do chuyển nhượng</b>	: 5.344.345 cổ phiếu
 <b>Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng</b>	: 0 cổ phiếu
 <b>Cổ phiếu quỹ</b>	: 0 cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2017

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>1</b>	4.930.645	92,26%
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>193</b>	413.700	7,74%
<b>1</b>	Tổ chức	-	-	-
<b>2</b>	Cá nhân	193	413.700	7,74%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>194</b>	<b>5.344.345</b>	<b>100%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm qua, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

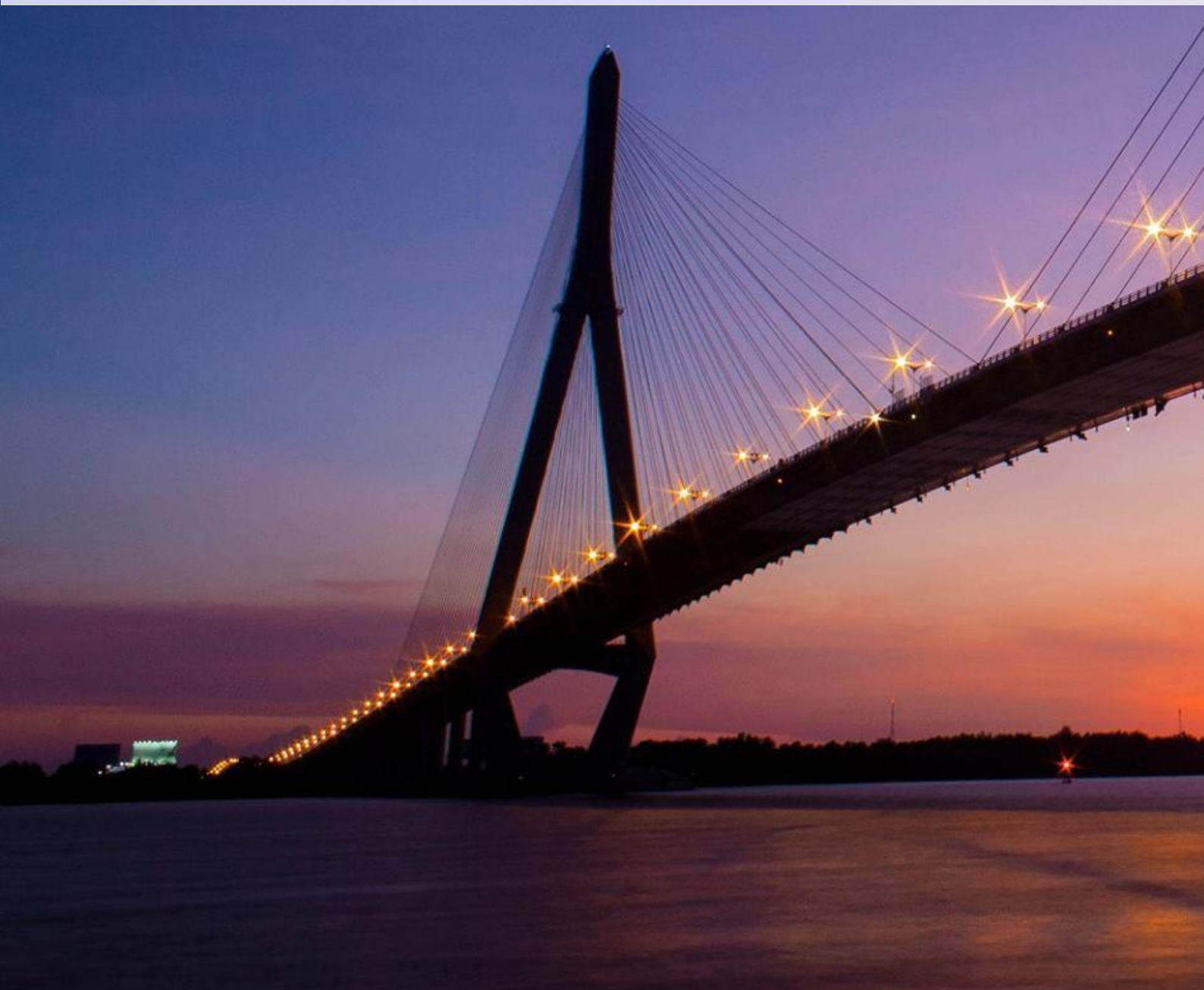
Không có

### Các chứng khoán khác

Không có



# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**





A photograph of a cable-stayed bridge at sunset. The bridge's cables and deck are silhouetted against a sky transitioning from deep blue at the top to bright orange and yellow near the horizon. The water in the foreground is calm, reflecting the colors of the sky. A semi-transparent white rectangular box is overlaid on the upper half of the image, containing five lines of green text.

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Giải trình của Ban Giám đốc về ý kiến kiểm toán**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

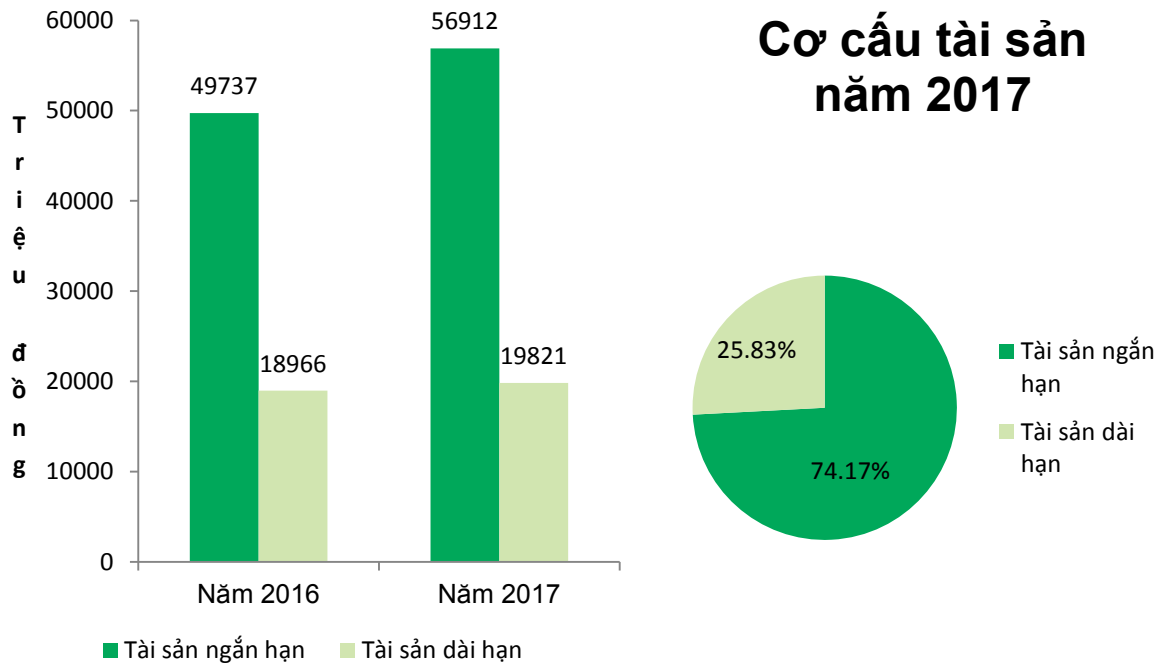
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	So sánh
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	68.000	73.067	107%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	54.249	54.249	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.000	6.646	222%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.400	5.324	218%
5	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng	5,0	5,2	104%

Kết quả hoạt động trong năm qua cho thấy các chỉ tiêu kế hoạch đều được hoàn thành tốt, theo đó doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đã tăng lần lượt 7,45% và 118% so với kế hoạch, đạt mức 73,07 tỷ đồng và 5,3 tỷ đồng. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp, sự hỗ trợ của Sở, ngành các cấp, cùng sự nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động kế hoạch đề ra, ngoài ra cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ, bổ sung các phương tiện chuyên dùng ...

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng			
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ 2017/2016
<b>Tài sản</b>	<b>72.685.762.333</b>	<b>76.733.123.830</b>	<b>105,57%</b>
Tài sản ngắn hạn	53.613493014	56.912.259.419	106,15%
Tài sản dài hạn	19.072.269.319	19.820.864.411	103,93%
<b>Nguồn vốn</b>	<b>72.685.762.333</b>	<b>76.733.123.830</b>	<b>105,57%</b>
Nợ ngắn hạn	13.115.766.443	16.936.671.723	129,13%
Nợ dài hạn	390.000.000	390.000.000	100,00%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>59.179.995.890</b>	<b>59.406.452.107</b>	<b>100,38%</b>

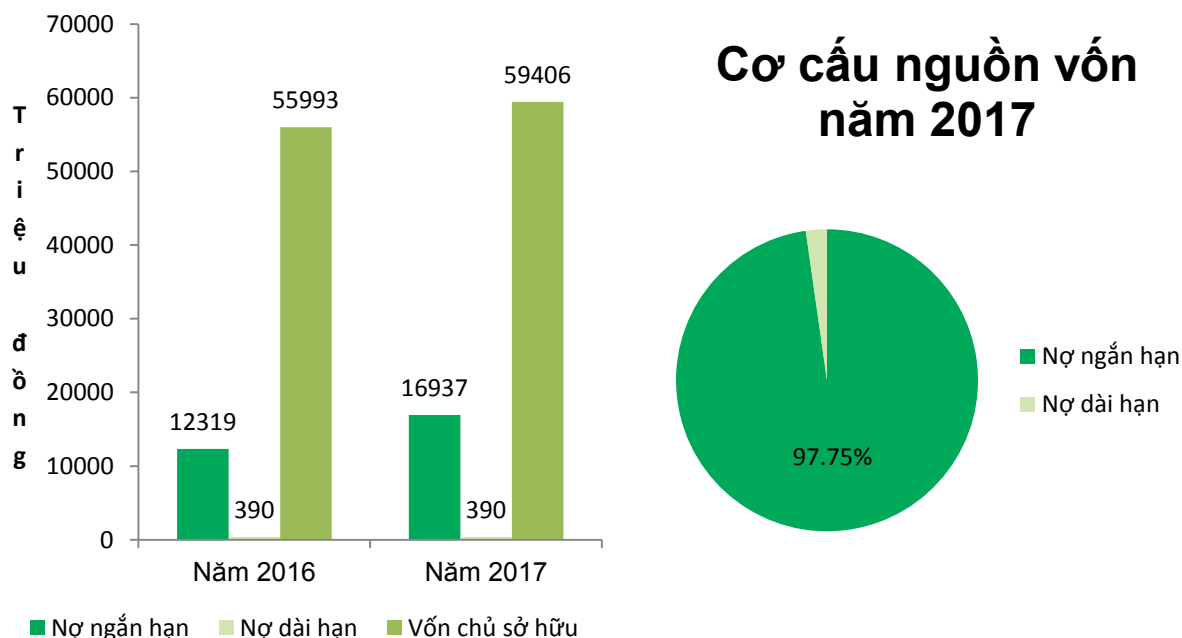
## VỀ TÀI SẢN



Cơ cấu tài sản năm nay không có nhiều thay đổi lớn khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế, khoản mục này năm 2017 chiếm 72,39% trên tổng tài sản Công ty, đến năm 2017 chiếm 74,17% tổng tài sản, mức tăng trưởng tài sản ngắn hạn 14,43%. Nguyên nhân chính của sự tăng trưởng này một phần là lợi nhuận từ các khoản đầu tư tài chính, phần còn lại đến từ các khoản phải thu khách hàng (Phòng QLĐT Ninh Kiều, Cái Răng, các công trình và đối tượng khác) đã sụt giảm đáng kể trong năm. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn cũng tăng 4,51% so với kỳ trước, do trong năm UCT đã thanh lý, nhượng bán đi một số phương tiện vận tải. Chính vì những nguyên nhân trên đã làm tổng tài sản của Công ty tăng trưởng 11,69% so với năm trước.

**PROFIT**

## VỀ NGUỒN VỐN



Nợ ngắn hạn dường như chiếm tỷ trọng hầu hết trong cơ cấu nguồn vốn. Nợ ngắn hạn trong năm 2017 đã có sự gia tăng đáng kể 33,27% so với năm trước, do công ty phải chịu các khoản về chi trả cổ tức cũng như các khoản phải trả người bán điển hình là khoản phải trả cho Công ty TNHH TMDV Lê Uyên là khoản phải trả phát sinh trong năm. Tuy trong năm Công ty cũng đã trả dứt điểm các khoản phải trả với Cơ sở Hoa Kiểng Quốc Hùng nhưng chỉ là một con số nhỏ nên không tác động nhiều đến khoản phải trả người bán. Nợ dài hạn năm qua không có sự thay đổi khi giá trị của khoản mục này vẫn là tiền mà Công ty đã dùng cho Quỹ phát triển khoa học công nghệ với giá trị 390 triệu đồng. Tổng kết lại, nợ phải trả của UCT trong năm thay đổi chủ yếu do sự tăng lên của nợ ngắn hạn với nguyên nhân cụ thể như đã nêu trên.

### Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

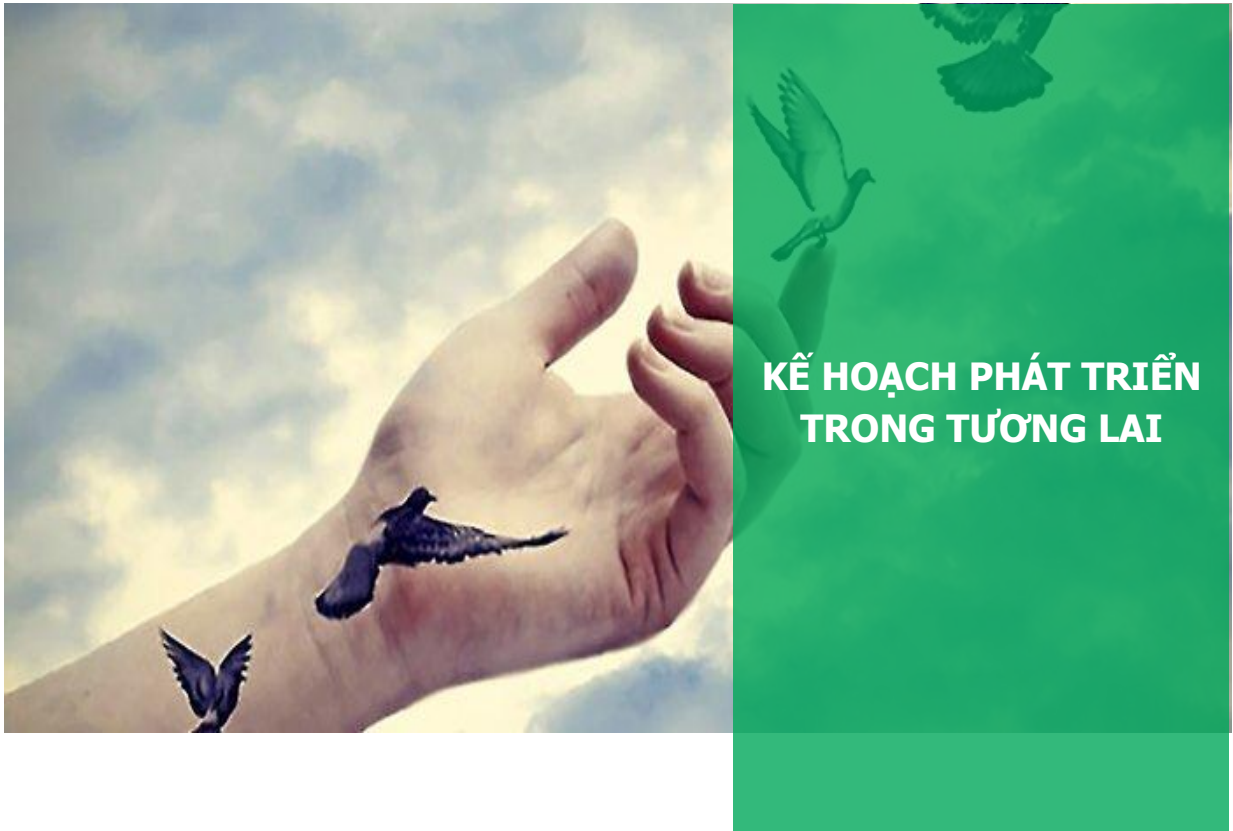
Năm qua cơ cấu tổ chức của Công ty vẫn được duy trì theo bộ máy hoạt động đã được đề ra.



**Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến khác.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % 2018/2017
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	73.067	73.800	101%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	54.249	54.249	100%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.234	5.300	101,26%
4	Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần	%	7,16%	7,18%	100,28%
5	Tỷ lệ LNST/ Vốn điều lệ	%	9,65%	9,77%	101,24%
6	Cổ tức	%	-	4%	-





## Về thị trường

Xác định công tác vệ sinh đô thị, cây xanh và chiếu sáng công cộng là các hoạt động kinh doanh chính của công ty, thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- 🌿 Đổi mới phương pháp tổ chức, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu; mở rộng địa bàn hoạt động
- 🌿 Phân bổ lao động hợp lý trong từng công đoạn; tổ chức bộ máy nhân sự tinh gọn đảm bảo linh hoạt và có hiệu quả; chủ động trong công tác quản lý điều hành
- 🌿 Đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật trong thi công, cải tiến quy trình quản lý, giảm chi phí thi công, nâng cao khả năng cạnh tranh đấu thầu
- 🌿 Xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch quản lý chất lượng, quản lý tiến độ; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hợp lý
- 🌿 Tăng cường công tác đối ngoại; củng cố và mở rộng các mối quan hệ với các tổ chức trong hoạt động bảo vệ môi trường

## Về tài chính

Sau cổ phần hóa công ty hướng tới thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội. Để huy động vốn, cần phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, công ty ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với công ty, cho phép khai thác nguồn vốn nội bộ hiệu quả. Một số định hướng cụ thể:

- 🌿 Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch quản lý chi phí gắn với tiến độ thi công, tiến độ nghiệm thu thanh quyết toán, đảm bảo cân đối dòng tiền đối với từng gói thầu và tổng thể hoạt động kinh doanh.
- 🌿 Tập trung đẩy mạnh công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành, tích cực thực hiện thu hồi công nợ để đảm bảo kế hoạch thu – chi từng tháng, từng quý, đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 🌿 Thực hiện tốt công tác quản lý công nợ, chi phí dở dang, gắn trách nhiệm thu hồi vốn vào từng cá nhân cán bộ được phân công.
- 🌿 Xây dựng chính sách tài chính công khai, minh bạch đúng quy định pháp lý, tham gia thị trường chứng khoán nếu đủ điều kiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính tại đơn vị trực thuộc.
- 🌿 Tăng cường, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

A close-up photograph of a person's hands clasped together on a desk. The person is wearing a light-colored, long-sleeved shirt with a dark and light striped cuff. The background is blurred, showing a white surface and a person's arm in a light blue shirt. The text "BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ" is overlaid in the center in a bold, green font.

# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



A close-up photograph of a hand pointing at a bar chart on a document. The chart features several blue bars of varying heights. The background is slightly blurred, showing other parts of the document and another hand holding a pen.

**Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc**

**Kế hoạch và định hướng của HĐQT**

## ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện Năm 2017	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	68.000	73.067	7,45%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	54.249	54.249	0,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.400	5.234	118,08%
4	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	3,53%	7,16%	102,83%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	4,42%	9,65%	118,33%



## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Nhìn lại một năm hoạt động, Ban Tổng Giám đốc luôn theo sát tình hình và bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng.

Hội đồng quản trị thấy rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT và ĐHĐCĐ ban hành. Công ty hoạt động tốt và luôn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT cho rằng Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn bộ CBCNV mang lại kết quả kinh doanh bền vững trong những năm qua.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên địa bàn thành phố hiện nay có một số doanh nghiệp cùng hoạt động lĩnh vực với Công ty. So sánh với các công ty trên, UCT là đơn vị có bề dày hoạt động trong lĩnh vực môi trường như vệ sinh môi trường, vận chuyển, xử lý rác thải, cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ công ích. Đây là những lợi thế của Công ty đối với các công ty khác

“

Cùng với đó, đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao cùng với chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao đã giúp công ty đạt được những thành tựu nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình. Ngoài ra, Công ty cũng đang dần ứng dụng công nghệ mới trong quy trình thu gom, vận chuyển chất thải. Đây là cơ hội cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty trong tương lai.





Căn cứ vào tình hình hoạt động của công ty trong năm qua, Hội đồng quản trị UCT lên kế hoạch xây dựng chương trình hoạt động như sau:



Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì, củng cố và mở rộng phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và có hiệu quả.



Về công tác đầu tư: Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho công tác thu gom và vận chuyển rác; hệ thống xử lý nước rỉ rác và cải tạo bảo rác phục vụ cho công tác vận hành xử lý.



Về quản lý: Tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh chặt chẽ, tổ chức thi công khoa học hợp lý, xây dựng định mức lao động tiên tiến, tiết kiệm chi phí hợp lý.



Về công tác tổ chức – lao động: tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG







**Về kinh tế**

**Về môi trường – năng lượng**

**Về xã hội**







The image shows a target graphic with concentric circles and a central bullseye. The word "value" is written in a bold, dark blue font on a white rectangular background that is centered over the bullseye. The background of the target is a light blue color with a subtle grid pattern.

# value

Những giá trị mà Công ty đã mang lại sau đây đã minh chứng cho những nỗ lực đó:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Giá trị mang lại trong năm 2017</b>
<b>Kết quả hoạt động</b>	Doanh thu thuần: 73,07 tỷ đồng; LNST: 5,23 tỷ đồng
<b>Cổ đông</b>	Cổ tức năm 2017 được chi trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 1,49%
<b>Nợ ngân sách</b>	Tổng khoản đã nộp ngân sách năm 2017 bằng 5.499 tỷ đồng
<b>Người lao động</b>	Mức thu nhập bình quân 2017 là 5,2 triệu đồng/người/tháng

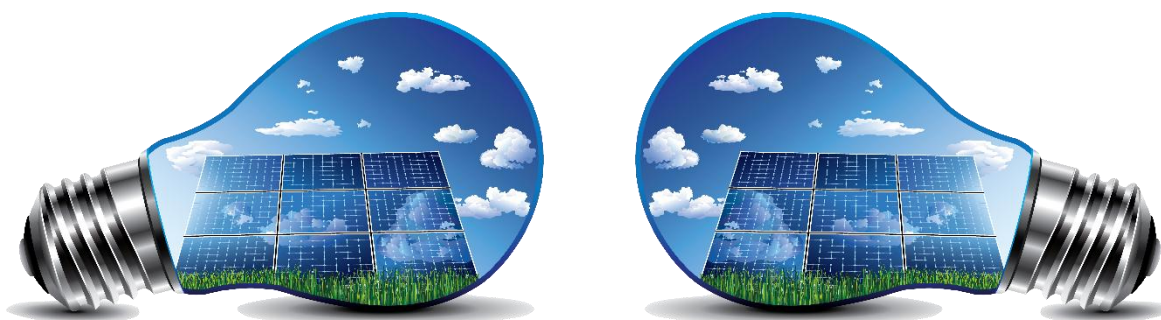
## VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Về nguồn năng lượng, nguyên vật liệu là yếu tố chính tác động trực tiếp đến đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty. Nguồn nguyên vật liệu có thể kể đến là xăng, dầu các loại, điện chiếu sáng, nước tưới tiêu, nguyên nhiên liệu xử lý rác thải; vật liệu xây dựng phục vụ cho việc duy tu và thi công đường, hè phố... Giá cả đầu vào thời gian qua khiến chi phí nguyên vật liệu của công ty tăng cao, tuy nhiên với vị thế và sự quen biết của mình, công ty luôn tìm được nguồn nguyên vật liệu với giá đầu vào hợp lý, giúp cho việc sản xuất kinh doanh được diễn ra bình thường, không bị tác động quá nhiều bởi nguồn nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, UCT cũng thường xuyên theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu để có kế hoạch bổ sung, dự trữ kịp thời cho quá trình hoạt động của mình.

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, UCT luôn ý thức được việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, Công ty xem việc giữ gìn môi trường, cảnh quan sạch sẽ là trọng yếu. Vì thế, UCT không ngừng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm đưa ra những giải pháp, hoạt động tốt nhất nhằm góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo nên môi trường sống trong lành, thân thiện cho cộng đồng... UCT luôn nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra; giám sát, phân tích đánh giá các tác động đến môi trường xung quanh thường xuyên và định kỳ để đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời và đảm bảo không vi phạm các quy định về môi trường

Hiện nay, Hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt do các đơn vị khác thực hiện. Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp và đạt được những hiệu quả nhất định. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể, định hướng tốt về quản lý, vận hành bãi xử lý rác

Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú ý đến mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng này, nâng cao nhận thức cho CBCNV về việc sử dụng năng lượng hợp lý. Việc này đã góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm được chi phí hoạt động. UCT chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.



## VỀ XÃ HỘI

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, ban lãnh đạo UCT còn không ngừng quan tâm, cải cách các chính sách có liên quan đến người lao động, điều chỉnh giá lương cũng như điều chỉnh phúc lợi cho người lao động để tạo được chính sách lao động phù hợp nhất giúp người lao động luôn được đảm bảo về đời sống vật chất lẫn tinh thần, đem đến sự phấn chấn cho người lao động. Ngoài ra, công ty luôn có kế hoạch đào tạo nhân sự, nâng cao chất lượng của lao động thông qua việc đào tạo, phát triển nhân viên, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực cá nhân. Từ đó có kết quả và vị trí công việc tốt hơn, phát huy tối đa năng lực làm việc, đem lại lợi ích và giá trị cao hơn cho công ty và bản thân

Tham gia đóng góp về chính sách và hoạt động xã hội: ủng hộ các hộ nghèo, thanh niên lên đường nhập ngũ, hỗ trợ công nhân Công ty Meko... với tổng số tiền 97 triệu đồng.

Chăm lo đời sống cho NLĐ trong dịp Tết, lễ, hỗ trợ nghỉ mát..., với tổng số tiền 1.799 triệu đồng.

Thăm hỏi gia đình chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, CB-CNV đã nghỉ hưu và các trường hợp khác theo điều kiện của Công ty, với tổng số tiền 208 triệu đồng.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**







Tok



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1800271113 đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 (hai), ngày 03 tháng 07 năm 2015 chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
	Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
	Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
	Ông Võ Văn Đước	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
	Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Thanh Phong  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 11, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á,  
201 - 203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

T +84 (28) 3 832 9969

F +84 (28) 3 832 9959

E info@cpavietnam.vn

W http://cpavietnam.vn

Số: 119/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/IICM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 03/03/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



---

**Nguyễn Tiên Trinh**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

---

**Phan Thị Xuân Diệu**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>56.912.259.419</b>	<b>53.613.493.014</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>
1. Tiền	111		5.189.100.265	3.784.270.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	29.044.329.310
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>8.100.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.200.000.000	8.100.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.618.353.456</b>	<b>11.823.762.102</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.639.966.140	10.749.467.604
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		184.851.500	18.700.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.516.823.585	1.831.883.574
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(723.287.769)	(776.289.076)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>888.193.540</b>	<b>796.003.263</b>
1. Hàng tồn kho	141		888.193.540	796.003.263
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.612.158</b>	<b>65.128.238</b>
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	16.612.158	65.128.238
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>19.820.864.411</b>	<b>19.072.269.319</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.754.023.001</b>	<b>17.501.420.675</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	17.754.023.001	17.501.420.675
- Nguyên giá	222		58.955.501.649	53.360.015.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.201.478.648)	(35.858.595.172)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.306.414.266</b>	<b>166.797.502</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	1.306.414.266	166.797.502
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	760.427.144	1.404.051.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>76.733.123.830</b>	<b>72.685.762.333</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>17.326.671.723</b>	<b>13.505.766.443</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.936.671.723</b>	<b>13.115.766.443</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	5.224.946.379	4.685.775.724
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		184.338.162	19.131.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.564.215.488	1.435.229.521
4. Phải trả người lao động	314		5.728.537.307	5.221.047.514
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		479.962.847	733.365.639
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.790.532.213	462.851.040
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.964.139.327	558.365.741
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>390.000.000</b>	<b>390.000.000</b>
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		390.000.000	390.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>59.406.452.107</b>	<b>59.179.995.890</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>59.096.354.842</b>	<b>58.822.191.345</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.443.451.436	53.443.451.436
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.443.451.436	53.443.451.436
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		418.930.533	157.887.934
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.233.972.873	5.220.851.975
- INST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	-
- INST chưa phân phối kì này	421b		5.233.972.873	5.220.851.975
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>310.097.265</b>	<b>357.804.545</b>
1. Nguồn kinh phí	431		310.097.265	357.804.545
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>76.733.123.830</b>	<b>72.685.762.333</b>

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	73.066.730.572	72.531.902.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	73.066.730.572	72.531.902.776
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	55.949.903.593	55.613.776.744
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>17.116.826.979</b>	<b>16.918.126.032</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1.742.055.308	1.409.027.968
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	12.217.416.204	11.507.405.150
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>6.641.466.083</b>	<b>6.819.748.850</b>
11. Thu nhập khác	31		596.563.893	583.268.710
12. Chi phí khác	32		592.391.460	732.471.927
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.18</b>	<b>4.172.433</b>	<b>(149.203.217)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.645.638.516</b>	<b>6.670.545.633</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.411.665.643	1.449.693.658
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.233.972.873</b>	<b>5.220.851.975</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	979	490

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.580.823.956	81.031.461.176
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28.409.761.922)	(39.147.779.424)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.826.416.430)	(28.267.158.054)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.561.198.395)	(1.109.163.776)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.385.453.706	6.871.407.284
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.387.658.128)	(20.492.761.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>781.242.787</b>	<b>(1.113.994.016)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(258.489.521)	(1.340.053.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	428.181.814
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.144.329.310)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.044.329.310	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.742.055.308	1.409.027.968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.616.434.213)</b>	<b>497.155.999</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(804.307.720)	(1.068.869.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(804.307.720)</b>	<b>(1.068.869.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(13.639.499.146)</b>	<b>(1.685.707.017)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>32.828.599.411</b>	<b>34.514.306.428</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1800271113 đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 (hai), ngày 03 tháng 07 năm 2015 chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

### **1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

##### Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 13
Máy móc, thiết bị	02 - 03
Phương tiện vận tải	01 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa ....) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	342.795.457	433.382.022
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.846.304.808	3.350.888.079
Tương đương tiền	14.000.000.000	29.044.329.310
<b>Tổng</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.200.000.000	23.200.000.000	-	8.100.000.000	8.100.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	23.200.000.000	23.200.000.000	-	8.100.000.000	8.100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.639.966.140</b>	<b>10.749.467.604</b>
Phòng QLĐT Quận Ninh Kiều	5.357.709.765	4.632.473.885
Phòng QLĐT Quận Bình Thủy	427.251.838	2.000.751.000
Phòng QLĐT Quận Cái Răng	3.323.988.278	1.403.608.280
Các công trình và đối tượng khác	3.531.016.259	2.712.634.439
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.639.966.140</b>	<b>10.749.467.604</b>

**5.4 Các khoản phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.516.823.585</b>	-	<b>1.831.883.574</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	611.467	-
- Tạm ứng	1.033.104.346	-	1.144.883.946	-
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	453.719.239	-	666.388.161	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.516.823.585</b>	-	<b>1.831.883.574</b>	-

**5.5 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	724.772.282	1.484.513	776.289.076	-

**5.6 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	327.048.210	-	256.968.175	-
Công cụ, dụng cụ	33.474.151	-	59.348.636	-
Chi phí SX KDDD	527.671.179	-	479.686.452	-
<b>Tổng</b>	<b>888.193.540</b>	-	<b>796.003.263</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	3.990.401.774	1.983.406.696	47.336.497.377	49.710.000	53.360.015.847
Tăng trong năm	191.797.502	800.000.000	5.126.255.818	-	6.118.053.320
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	191.797.502	800.000.000	5.126.255.818	-	6.118.053.320
Giảm trong năm	-	-	522.567.518	-	522.567.518
Thanh lý nhượng bán	-	-	522.567.518	-	522.567.518
Số dư tại 31/12/2017	4.182.199.276	2.783.406.696	51.940.185.677	49.710.000	58.955.501.649
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	2.460.160.359	1.752.992.331	31.611.197.812	34.244.670	35.858.595.172
Tăng trong năm	194.594.124	278.358.809	5.354.656.252	7.732.668	5.835.341.853
Khấu hao trong năm	194.594.124	278.358.809	5.354.656.252	7.732.668	5.835.341.853
Giảm trong năm	-	-	492.458.377	-	492.458.377
Thanh lý nhượng bán	-	-	492.458.377	-	492.458.377
Số dư tại 31/12/2017	2.654.754.483	2.031.351.140	36.473.395.687	41.977.338	41.201.478.648
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	1.530.241.415	230.414.365	15.725.299.565	15.465.330	17.501.420.675
Tại ngày 31/12/2017	1.527.444.793	752.055.556	15.466.789.990	7.732.662	17.754.023.001

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Chi mua sắm</b>	<b>1.124.545.454</b>	-
- Mua sắm tài sản cố định	1.124.545.454	-
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>181.868.812</b>	<b>166.797.502</b>
- Cửa hàng kinh doanh thiết bị môi trường	-	166.797.502
- Văn phòng, nhà kho tại Dạ cầu Ninh Kiều	181.868.812	-
<b>Tổng</b>	<b>1.306.414.266</b>	<b>166.797.502</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>
- Lợi thế kinh doanh	404.595.777	1.213.787.349
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	355.831.367	190.263.793
<b>Tổng</b>	<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>

**5.10 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>4.685.775.724</b>	<b>179.557.539.553</b>
Cửa hàng điện công nghiệp Gia Khanh	178.685.000	178.685.000	216.270.500	216.270.500
Cơ sở hoa kiếng Quốc Hùng	-	-	372.555.000	372.555.000
Công ty TNHH Xây dựng An Phú	498.024.000	498.024.000	362.292.000	362.292.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp 99	498.074.940	498.074.940	314.581.421	314.581.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu STS Tây Nam Bộ	688.192.735	688.192.735	393.258.855	393.258.855
Trà Văn Đảo	-	-	853.854.771	853.854.771
Công ty TNHH TMDV Lê Uyên	721.249.640	721.249.640	-	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng Ngô Hùng	409.098.000	409.098.000	368.398.000	368.398.000
Các đối tượng khác	2.231.622.064	2.231.622.064	1.804.565.177	176.676.329.006
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>4.685.775.724</b>	<b>179.557.539.553</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	31/12/2017
<b>Phải nộp</b>	<b>1.435.229.521</b>	<b>7.327.318.137</b>	<b>7.198.332.170</b>	<b>1.564.215.488</b>
Thuế GTGT	243.827.892	5.915.652.494	5.637.133.775	522.346.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.401.629	1.411.665.643	1.561.198.395	1.041.868.877
<b>Phải thu</b>	<b>65.128.238</b>	<b>2.826.070.764</b>	<b>2.874.586.844</b>	<b>16.612.158</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	2.797.889.735	2.797.889.735	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	65.128.238	28.181.029	76.697.109	16.612.158

**5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.790.532.213</b>	<b>462.851.040</b>
Kinh phí công đoàn	30.907.208	24.566.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.100.000	12.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.280.951.005	16.111.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	457.574.000	410.174.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.790.532.213</b>	<b>462.851.040</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	53.443.451.436	157.887.934	1.914.890.737	55.516.230.107
Tăng trong năm	-	-	5.220.851.975	5.220.851.975
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.220.851.975	5.220.851.975
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>1.914.890.737</b>	<b>1.914.890.737</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.914.890.737	1.914.890.737
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>157.887.934</b>	<b>5.220.851.975</b>	<b>58.822.191.345</b>
Số dư tại 01/01/2017	53.443.451.436	157.887.934	5.220.851.975	58.822.191.345
Tăng trong năm	-	261.042.599	5.233.972.873	5.495.015.472
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.233.972.873	5.233.972.873
Phân phối lợi nhuận	-	261.042.599	-	261.042.599
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>5.220.851.975</b>	<b>5.220.851.975</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.863.286.185	2.863.286.185
Chia cổ tức	-	-	2.088.340.790	2.088.340.790
Giảm khác	-	-	269.225.000	269.225.000
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>418.930.533</b>	<b>5.233.972.873</b>	<b>59.096.354.842</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	49.306.451.436	49.306.451.436
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	4.137.000.000	4.137.000.000
<b>Tổng</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>53.443.451.436</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	53.443.451.436	53.443.451.436
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	53.443.451.436	53.443.451.436
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.088.340.790	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.344.345	5.344.344
Cổ phiếu phổ thông	5.344.345	5.344.344
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Doanh thu	73.066.730.572	72.531.902.776
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.066.730.572	72.531.902.776
<b>Tổng</b>	<b>73.066.730.572</b>	<b>72.531.902.776</b>

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.949.903.593	55.613.776.744
<b>Tổng</b>	<b>55.949.903.593</b>	<b>55.613.776.744</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.742.055.308	1.409.027.968
<b>Tổng</b>	<b>1.742.055.308</b>	<b>1.409.027.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.468.656.818	4.346.651.081
Chi phí vật liệu quản lý	-	7.015.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	392.154.982	90.991.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	297.663.466	366.299.832
Thuế phí và lệ phí	425.351.424	700.560.598
Chi phí dự phòng	(53.001.307)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.495.256.231	1.733.311.415
Chi phí bằng tiền khác	4.191.334.590	4.262.576.043
<b>Tổng</b>	<b>12.217.416.204</b>	<b>11.507.405.150</b>

**5.18 Lợi nhuận khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	48.981.768	199.903.055
Các khoản khác	547.582.125	383.365.655
<b>Tổng</b>	<b>596.563.893</b>	<b>583.268.710</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	592.391.460	732.471.927
<b>Tổng</b>	<b>592.391.460</b>	<b>732.471.927</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>4.172.433</b>	<b>(149.203.217)</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.645.638.516</b>	<b>6.670.545.633</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>412.689.698</i>	<i>577.922.660</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>412.689.698</i>	<i>577.922.660</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.058.328.214</b>	<b>7.248.468.293</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>7.058.328.214</b>	<b>7.248.468.293</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.411.665.643</b>	<b>1.449.693.658</b>

**5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.972.873	5.220.851.975
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.602.243.586)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.233.972.873	2.618.608.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.344.345	5.344.345
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu(VND/cổ phiếu)</b>	<b>979</b>	<b>490</b>

Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.227.736.013	2.298.839.009

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.



**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.189.100.265	32.828.599.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.400.397.610	10.660.178.156
Dầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	8.100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.789.497.875</b>	<b>51.588.777.567</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.015.478.592	5.148.626.764
Chi phí phải trả	479.962.847	733.365.639
<b>Tổng</b>	<b>7.495.441.439</b>	<b>5.881.992.403</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	7.015.478.592	-	7.015.478.592
Chi phí phải trả	479.962.847	-	479.962.847
<b>Tổng</b>	<b>7.495.441.439</b>	<b>-</b>	<b>7.495.441.439</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.148.626.764	-	5.148.626.764
Chi phí phải trả	733.365.639	-	733.365.639
<b>Tổng</b>	<b>5.881.992.403</b>	<b>-</b>	<b>5.881.992.403</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.189.100.265	-	19.189.100.265
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.400.397.610	-	12.400.397.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	-	23.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.789.497.875</b>	<b>-</b>	<b>54.789.497.875</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.828.599.411	-	32.828.599.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.660.178.156	-	10.660.178.156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.100.000.000	-	8.100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>51.588.777.567</b>	<b>-</b>	<b>51.588.777.567</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần và được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 26/09/2017.

*Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Lê Thanh Hiếu**

**Lê Thanh Hiếu**

**Trần Thanh Phong**

**Công Ty Cổ  
Phần Đô Thị  
Cần Thơ**

Digitally signed by Công Ty  
Cổ Phần Đô Thị Cần Thơ  
DN: cn=Công Ty Cổ Phần  
Đô Thị Cần Thơ, c=VN,  
l=Ninh Kiều, st=Cần Thơ  
Date: 2018.03.30 07:56:41  
+07'00'





## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

*Cần Thơ, ngày 19 tháng 04 năm 2018*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

  
*Lưu Việt Chiến*